TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/06/2026
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Thành Đông

Bà Nguyễn Thị Thu Nhanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thanh Nhàn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Trong ngày 23 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lâm Quốc C**, sinh ngày 01/01/1979 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 094079001773

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ.

Số điện thoại: 0394.768.047.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh ngày 01/01/1982. (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 094182009982

Địa chỉ: Ấp K, xã L, thành phô Cần Thơ.

Số điện thoại: 0347.642.114

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 09/03/2026, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lâm Quốc C trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị N vào ngày 11/03/2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Cần Thơ), và được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Trong thời gian đầu khi mới chung sống với nhau thì vợ chồng ông chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên hiện nay ông nhận thấy giữa ông và bà N không

hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng nhiều, mâu thuẫn vợ chồng ông không ai biết, ông và bà N đã không còn sống chung với nhau từ hơn bảy năm nay. Cho nên ông C yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Ông C không yêu cầu xem xét.

Ông C xin được xét xử vắng mặt vì bận công việc nên không có thời gian để tham gia phiên tòa.

2/ Bị bơn bà Nguyễn Thị N tại bản tường trình lập ngày 05/05/2026 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt lập ngày 05/05/2026:

Bà và ông Lâm Quốc C chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Cần Thơ) vào ngày 11/03/2015. Trong quá trình sống chung lúc ban đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, sau thời gian sống chung thì vợ chồng tính tình không hợp nhau vì hai người không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể sống chung được mục đích hôn nhân không đạt được nếu sống chung không thể có hạnh phúc nên việc ông Lâm Quốc C xin ly hôn với bà, bà chấp nhận đồng ý ly hôn với ông Lâm Quốc C. Trong thời gian sống chung vợ chồng bà chưa có con chung nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Thời gian sống chung vợ chồng bà cũng không có tạo tài sản chung và cũng không có nợ chung nên bà không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Lâm Quốc C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị N cư trú tại ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác. Nên Tòa án xác định loại kiện "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Lâm Quốc C và bị đơn bà Nguyễn Thị N đều vắng mặt nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Quốc C và bà Nguyễn Thị N là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 11/03/2015 ông C và bà N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy

ban nhân dân xã L, thành phố Cần Thơ) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông C và bà N, theo ông C cho rằng hiện nay giữa ông và bà N không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng nhiều, mâu thuẫn vợ chồng ông không ai biết, ông và bà N đã không còn sống chung với nhau từ hơn bảy năm nay. Cho nên ông C yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Còn bà N cho rằng bà và ông C tính tình không hợp nhau vì hai người không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể sống chung được mục đích hôn nhân không đạt được nếu sống chung không thể có hạnh phúc nên việc ông Lâm Quốc C xin ly hôn với bà, bà chấp nhận đồng ý ly hôn với ông Lâm Quốc C. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông C và bà N đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho nhau, không còn tin tưởng nhau, mâu thuẫn giữa ông C và bà N là trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Lâm Quốc C được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

[4] Về con chung: Ông Lâm Quốc C và bà Nguyễn Thị N đều trình bày ông C và bà N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Lâm Quốc C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009638, ngày 15/05/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Quốc C được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

2/ Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Lâm Quốc C phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Lâm Quốc C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009638, ngày 15/05/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã Lâm Tân, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng